

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16/11/2018
V/v *Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
THành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.
- Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát V Viện kiểm sát nhân dân huyện N,
tỉnh Ninh Bình.

Ngày 16/11/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở
phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số
132/2018/TLST - HNGĐ ngày 12/06/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
52/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 05/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số
01/2018/QĐ-HPT ngày 25/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Ngọc Á, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Đậu Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ).

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người làm chứng: Anh Trịnh Xuân V, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 12/6/2018 và tại phiên tòa **Anh Á trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Á xây dựng gia đình với chị H vào năm 1997, khi đó vợ chồng Anh đang sinh sống và làm ăn ở trong tỉnh Bình Thuận và có 02 con chung với nhau. Đến năm 2003 mới về quê ở thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình để sinh sống, sau đó Anh và chị H mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào ngày 05/12/2003. Kể từ đó đến nay vợ chồng anh sinh sống và làm ăn ở thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Đã xảy ra khoảng 3 đến 4 năm. Nguyên nhân do chị H thường xuyên tự ý bỏ nhà đi đâu anh không rõ trong thời gian dài, Anh có khuyên can và không đồng ý nhưng chị H không nghe dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, hai vợ chồng anh đã sống ly thân được hơn 1 năm nay. Anh Á thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Á và chị H có 02 con chung là Trịnh Duy K, sinh ngày 04/2/1998 đã trưởng thành, đi làm tự lập được và Trịnh Thuận A, sinh ngày 20/10/2002. Hiện nay cháu A đã nghỉ học phổ thông đang ở cùng với chị H. Nếu ly hôn Anh nhất trí giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu, Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là 700.000 đồng/1 tháng đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 mảnh đất diện tích 590m² mua của anh trai anh Á là Trịnh Xuân V năm 1999 với giá 1.000.000 đồng tại thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng.

- 01 ngôi nhà 3 gian cấp 4 cũ lợp ngói đỏ, xây tường đá, hiên lợp Proximăng, diện tích khoảng 50m² làm trên diện tích đất trên.

- 01 xe máy Dream Tàu (Trung Quốc) cũ mua lại từ tiệm sửa xe máy năm 2017 với giá 1.500.000 đồng.

Anh Á xác định: Về tài sản chung, Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, Anh để lại toàn bộ cho chị H sử dụng, riêng chiếc xe máy Dream Trung Quốc anh đề nghị anh được tiếp tục sử dụng.

Về công nợ chung: Anh Á xác định vợ chồng anh không có công nợ chung.

Ý kiến của chị H: Trong bản tự khai ngày 19/6/2018 chị H trình bày: Chị và Anh Á kết hôn với nhau vào ngày 05 tháng 12 năm 2003 đăng ký ở Ủy ban nhân dân xã Sơn Lại là hôn nhân tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do anh Á thường xuyên uống rượu say rồi về đánh chửi, và đuổi mẹ con chị nhiều lần và không cho mẹ con ngủ ở nhà, đã có lần anh Á đánh chị H và gây thương tích cho chị. Chị phải đi làm thuê để nuôi con, anh Á không có trách nhiệm gì với gia đình. Nay anh Á làm đơn xin ly hôn, chị

không muốn ly hôn làm ảnh hưởng tới các con sau này, nếu anh Á kiên quyết ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn vì thực tế giữa chị và anh Á không còn tình cảm, sống không có hạnh phúc.

Về con chung: Chị H xác định như ý kiến của anh Á, về việc nuôi con chị xin nuôi con chung là Trịnh Thuận A, sinh ngày 20/10/2002 hiện nay đang ở cùng với chị và yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có 01 ngôi nhà 3 gian cấp 4 cũ lợp ngói đỏ, xây tường đá, hiên lợp Proximăng, diện tích khoảng 50m² làm trên diện tích đất trên.

- 01 xe máy Dream Thái hiện nay anh Á đang sử dụng

Về công nợ chung: Nợ ông bà ngoại số tiền 6 triệu đồng và 2 chỉ vàng 9999 vay từ năm 1997 khi vợ chồng chị còn ở Miền Nam làm ăn, gửi ông bà ngoại 6 triệu đồng vay để làm nhà năm 2000. Năm 2002 vay tiếp của em trai chị ở Nghệ An 4 triệu đồng để mua xe máy.

Về tài sản chung và công nợ chung: chúng tôi sẽ tự giải quyết nếu không được sẽ đề nghị Tòa giải quyết sau:

Vào ngày 01/8/2018 Tòa án đã trực tiếp giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải cho anh Á và chị H, các đương sự phải có mặt tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 06/08/2018 để Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng chỉ có anh Á có mặt còn chị H vắng mặt. Tiếp sau đó vào các ngày 18/9/2018 và 04/10/2018 Tòa án tổ chức việc hòa giải giữa anh Á và chị H, nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do.

Đến ngày 11 tháng 9 năm 2018 Tòa án đã lập biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình giữa Anh Á và chị H: Ủy ban nhân dân xã S xác định về việc kết hôn đúng như đương sự trình bày, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh Á, chị H thì không nắm được cụ thể, nhưng thực tế vợ chồng họ thường đánh chửi nhau gây mất trật tự tại địa phương, chính quyền đã hòa giải nhiều lần không có hiệu quả. Anh Á và chị H đã sống ly thân với nhau.

Về việc ly hôn của vợ chồng anh Á: Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh Á có hai con chung như anh Á và chị H đã trình bày.

Về tài sản chung: Về đất ở và nhà ở xác định đúng như anh Á và chị H đã tự khai còn các tài sản khác địa phương không nắm được.

Về công nợ chung: Không nợ tập thể và Ủy ban nhân dân xã S.

Về nợ cá nhân: Không nắm được.

Ý kiến của Anh Trịnh Xuân V: Trong đơn đề nghị ngày 16/11/2018 Anh Trịnh Xuân V xác định vào năm 1999 anh có chuyển nhượng cho anh Á và chị H 01 mảnh đất diện tích 590 m² với giá 1.000.000đ (một triệu đồng) tại thôn T, xã S nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng là đúng.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Á đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234; chị H không thực hiện đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối đề nghị như sau:

Căn cứ: Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Ngọc Á. Xử lý hôn giữa Anh Trịnh Ngọc Á và chị Đậu Thị H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Giao con chung là Trịnh Thuận A, sinh ngày 20/10/2002 (hiện nay đang ở cùng với chị H) cho chị H trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào thực tế thu nhập của anh Á, cần chấp nhận đề nghị của anh Á mỗi tháng anh cấp dưỡng nuôi cháu A cùng với chị H là 700.000đ, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

3. *Về tài sản chung:* Chấp nhận sự tự nguyện và đề nghị của anh Á để lại các tài sản cho chị H sở hữu và sử dụng gồm:

- 01 ngôi nhà 3 gác cấp 4 cũ lợp ngói đỏ, xây tường đá, hiên lợp Proximăng, diện tích khoảng 50m² làm trên diện tích đất 01 mảnh đất diện tích 590 m² trên.

Giao cho anh Á sở hữu và sử dụng 01 xe máy Dream (Trung Quốc) anh Á đang quản lý).

4. *Về công nợ chung:* Không giải quyết công nợ chung.

5. *Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng:* Anh Á phải nộp theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn; giải quyết về con chung; giải quyết về tài sản chung và công nợ chung của anh Trịnh Ngọc Á và chị Đậu Thị H. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của anh Á, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về hôn nhân: Anh Trịnh Ngọc Á và chị Đậu Thị H kết hôn với nhau vào ngày 5 tháng 12 năm 2003 đăng ký ở Ủy ban nhân dân xã S là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Á hay uống rượu say rồi về đánh chửi và đuổi mẹ con chị H nhiều lần, đã có lần. Anh Á đánh chị H và gây thương tích cho chị. Nay anh Á yêu cầu xin ly hôn chị H. Căn cứ thực tế tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình giữa chị H và anh Á không có. Xét khả năng đoàn tụ của hai người thực sự không còn đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Á. Xử lý hôn giữa anh Á và chị H là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế con chung là Trịnh Thuận A, sinh ngày 20/10/2002 hiện nay đang ở cùng với chị H nên giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu A đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, còn con chung là Trịnh Duy K, sinh ngày 04/2/1998 đã trưởng thành nên không phải giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào thực tế thu nhập của anh Á, cần chấp nhận đề nghị của anh Á mỗi tháng anh cấp dưỡng 700.000đ cho cháu A thời gian tính từ tháng 12/2018 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. (Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử xác định đối với 01 mảnh đất diện tích 590 m² mua của anh trai Anh Á là Trịnh Xuân V năm 1999 với giá 1.000.000 đồng tại thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình là tài sản chung của anh Á và chị H. Cần chấp nhận sự tự nguyện của anh Á để lại các tài sản cho chị H sở hữu và sử dụng. Giao cho chị H được sở hữu và sử dụng:

- 01 ngôi nhà 3 gian cấp 4 cũ lợp ngói đỏ, xây tường đá, hiên lợp Proximăng, diện tích khoảng 50m² làm trên diện tích đất 01 mảnh đất diện tích 590 m² trên. Sau khi ly hôn Chị H sẽ chịu trách nhiệm làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

Chấp nhận đề nghị của anh Á: Giao cho anh Á sở hữu và sử dụng 01 xe máy Dream (Trung Quốc) anh Á đang quản lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về ý kiến của chị H đã khai: Anh Á hiện đang quản lý sử dụng 01 xe máy Dream Thái Lan, nhưng trên thực tế chiếc xe Dream anh Á đang sử dụng là xe máy Dream Trung Quốc. Do chị H không có mặt nên không có căn cứ xác định cụ thể đó là chiếc xe nào, nếu chị H có yêu cầu sẽ giải quyết sau.

5. Về công nợ chung: Do chị H chưa yêu cầu giải quyết về công nợ cá nhân mặt khác chị H và anh Á chưa thống nhất được với nhau vì chị H không tham gia hòa giải và không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó Hội đồng xét xử không đưa những người có liên quan về nợ cá nhân vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Anh Á phải nộp theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa Anh Trịnh Ngọc Á và chị Đậu Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Thuận A, sinh ngày 20/10/2002 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Á phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000đ, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Anh Á.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Á không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì Hàng tháng anh Á còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: - Giao cho chị H được sở hữu và sử dụng 01 mảnh đất diện tích 590m² và 01 ngôi nhà 3 gian cấp 4 cũ lợp ngói đỏ, xây tường đá, hiên lợp Proximăng, diện tích khoảng 50m² làm trên diện tích đất trên. Sau khi ly hôn chị H chịu trách nhiệm làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

- Giao cho anh Á sở hữu và sử dụng 01 xe máy Dream (Trung Quốc).

4. Về công nợ chung: Không giải quyết về công nợ chung

5. Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Á phải nộp 300.000đ, anh Á đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0000 831 ngày 12/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án phí cấp dưỡng: Anh Á phải nộp 300.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm anh Á được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H Minh Lực

